

Số: 70/2022/QĐST-HNGĐ

*Liên Chiều, ngày 09 tháng 12 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 324/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Phạm Sỹ H - sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Thu T - sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Tổ 53, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn vào năm 2007; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông bà đều xác định không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn lại được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông H và bà T đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Ông Phạm Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thu T thống nhất thỏa thuận:

Giao con chung Phạm Huy H – sinh ngày 20 tháng 5 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao 02 con chung Phạm Thị Yến N – sinh ngày 26 tháng 9 năm 2011 và Phạm Quỳnh N – sinh ngày 08 tháng 4 năm 2019 cho ông Phạm Sỹ H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thỏa thuận của ông H và bà T đảm bảo quyền lợi của con chung; phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ chia tài sản: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông H và bà T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thu T thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ nuôi con chung*: Giao con chung Phạm Huy H – sinh ngày 20 tháng 5 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Giao 02 con chung Phạm Thị Yến N – sinh ngày 26 tháng 9 năm 2011 và Phạm Quỳnh N – sinh ngày 08 tháng 4 năm 2019 cho ông Phạm Sỹ H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ chia tài sản*: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Phạm Sỹ H và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0005558 ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Ông H và bà T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Dương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- CCTHADS. quận Liên Chiểu;
- UBND. phường H;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thanh Hùng**